Sửa đổi Hiến pháp ở Mỹ

Bùi Ngọc Sơn

1. Những chủ thuyết của việc sửa đổi Hiến pháp ở Mỹ

Người Mỹ không tin vào khả năng có một bản hiến pháp hoàn hảo, trường tồn vượt thời gian. Niềm tin này có lẽ khởi nguồn từ những ý tưởng của các tác giả viết về chính quyền của Đảng Whig1 gồm các nhà các cải cách hiến pháp từ giữa thế kỷ 18 như James Burgh, John Cartwright, cũng như các triết gia về chính quyền theo khuynh hướng cộng hòa vào thế kỷ 17, đặc biệt là Algernon Sidney2, người đã từng tuyên bố: "Nếu con người không buộc phải sống trong các hang động và các hốc cây, phải ăn những quả dầu, phải ở trần, thì tại sao họ phải vĩnh viễn sống dưới một hình thức chính quyền mà cha ông họ đã dựng nên vào một thời kỳ đã qua" (Các luận thuyết về chính quyền). Vị Tổng thống Mỹ đầu tiên George Washington, trong một bức thư gửi cho người cháu trai là Bushord, hai tháng sau khi Hội nghị lập hiến Philadephia kết thúc, đã viết: "Những người bạn nhiệt tình nhất và những người ủng hộ nhất đối với bản Hiến pháp cũng không nghĩ rằng nó không có một sai lầm nào"3. Có lẽ người Mỹ ủng hộ mạnh mẽ nhất với với việc cải cách hiến pháp là Tổng thống Jefferson. Điểm đặc trưng trong tư tưởng hiến pháp của Jefferson, làm cho tư tưởng của ông khác với những người đương thời, là sự ủng hộ rất nhiệt tình đối với việc thay đổi hiến pháp, kể cả ở cấp tiểu bang lẫn cấp quốc gia4. Những triết lý về việc sửa đổi hiến pháp của ông được trích dẫn một cách rộng rãi trong các nghiên cứu về sửa đổi hiến pháp Mỹ. Người ta thường trích dẫn lại những lời này trong một bức thư mà Jefferson viết năm 1861 tuyên bố với Samuel Kercheval vai trò của ông đối với vấn đề thay đổi hiến pháp: "Một số người nhìn hiến pháp với một lòng sùng đạo quá mức, và tưởng rằng hiến pháp là một ánh hào quang của sự thỏa thuận, sợ không dám đụng vào chúng5. Họ gán cho các bậc tiền bối sự thông thái hơn con người, và nghĩ rằng những gì họ làm không thể sửa đổi… Tôi đương nhiên là không ủng hộ việc thay đổi luật và hiến pháp một cách thường xuyên và thiếu kinh nghiệm… Nhưng tôi cũng nghĩ rằng, luật và các định chế phải song hành với sự phát triển của trí tuệ con người. Khi trí tuệ con người trở nên phát triển hơn, sáng suốt hơn, khi xuất hiện những khám phá mới, sự thật mới được phơi bày, cách cư xử và quan niệm thay đổi cùng với sự thay đổi của hoàn cảnh, các định chế cũng phải tiến bộ theo… Mỗi thế hệ đều độc lập như những thế hệ đi trước… Vậy thì họ cũng phải có quyền, như các thế hệ trước, chọn cho mình một mô hình chính quyền mà họ tin rằng sẽ đem lại một cách tốt nhất hạnh phúc của riêng họ"6.

Tư tưởng hiến pháp của Jefferson gợi mở những cơ sở duy lý của việc sửa đổi hiến pháp ở Mỹ. Các nghiên cứu hiến pháp ở Mỹ về sau cụ thể hơn những lý do về mặt lý thuyết của việc sửa đổi hiến pháp. Tại sao hiến pháp phải được sửa đổi?

Học thuyết chủ quyền nhân dân được coi là cơ sở quan trọng của việc sửa đổi hiến pháp. Như được đề cập trong bức thư của Jefferson, người dân trong các thế hệ khác nhau phải có quyền lựa chọn mô hình chính quyền cho mình. Điều này cần phải truy nguyên đến học thuyết về chủ quyền nhân dân của John Locke được phát triển trong danh tác "Luận thuyết thứ hai về chính quyền". Ban đầu, người Mỹ coi học thuyết chủ quyền nhân dân như một tảng nền lý thuyết để lập quốc7, rồi sau đó là cơ sở để xây dựng hiến pháp, và sau đó nữa, việc sửa đổi hiến pháp cũng dựa trên học thuyết này. Mặc dù tư tưởng chủ quyền nhân dân đã được người Mỹ nhận thức rõ rệt từ năm 1776 (thông qua Tuyên ngôn Độc lập), sự áp dụng học thuyết này để xây dựng nên các thể chế chính quyền chỉ diễn ra ở các thập kỷ tiếp theo. Dần dần, người ta nhận ra rằng học thuyết chủ quyền nhân dân đòi hỏi hiến pháp phải được soạn thảo bởi một đại hội phổ thông do dân chúng bầu, chứ không phải là một cơ quan lập pháp thường, và sau đó được phê chuẩn theo một quy trình thể hiện sự chấp thuận của dân chúng – lý tưởng nhất là thông qua trưng cầu dân ý. Điều này đã được ứng dụng trong việc ban hành Hiến pháp của tiểu bang Massachusetts năm 1780 và hiến pháp của tiểu bang New Hampshire năm 1784. Sau đó, cho đến thế kỷ 19, hình thức trưng cầu dân ý trở thành một tiêu chuẩn để lập hiến ở các tiểu bang8. Người Mỹ nhanh chóng kết luận rằng: nếu một bản hiến pháp dựa vào sự ưng thuận của dân chúng, thì người dân cũng có thể thay thế nó bằng một bản hiến pháp khác. John Locke cho rằng dân chúng có quyền thay đổi chính quyền khi chính quyền xâm hại đến hạnh phúc của dân chúng đến mức xã hội dân sự phải trở về trạng thái tự nhiên. Người Mỹ đã đi xa hơn tư tưởng của Locke khi định chế hóa quyền thay đổi hiến pháp của xã hội dân sự. Điều này không chỉ gồm có việc thay đổi một hiến pháp mới mà còn gồm cả việc sửa đổi một cách chính thức hiến pháp đó9.

Như vậy, việc sửa đổi hiến pháp được gắn với hạnh phúc của những con người đang sống dưới hình thức chính quyền mà hiến pháp đó điều tiết. Những thế hệ đang sống phải có quyền điều chỉnh những gì mà cha ông họ đã xác lập theo một cách thức đem lại hạnh phúc cho họ.

Trong một bức thư viết cho Madison, Jefferson đã đưa ra một lý thuyết quan trọng làm cơ sở cho sự ủng hộ của mình đối với việc thay đổi hiến pháp. Đó là lý thuyết "chủ quyền của thế hệ hiện tại". Lý thuyết này được thể hiện qua một văn thức đặc biệt trong bức thư: "Trái đất thuộc về những người đang sống". Một câu hỏi cơ bản mà Jefferson đặt ra trong bức thư gửi cho Madison là: " Một thế hệ có quyền ràng buộc một thế hệ khác không?" Jefferson bắt đầu với một nguyên lý hiển nhiên là: "Hoa lợi trên trái đất thuộc về những người đang sống". Người chết không có quyền và quyền lợi đối với nó. Bất cứ quyền và quyền lợi mà một người có trong khi sống cũng sẽ chấm dứt sau cái chết của anh ta. Lấy quyền tài sản của một cá nhân làm ví dụ, Jefferson cho rằng quyền và quyền lợi của một thế hệ cũng tương tự như vậy: "Điều gì đúng với mỗi thành viên riêng rẽ của một xã hội thì cũng đúng với họ như một tổng thể vì quyền của tổng thể không thể là gì khác hơn là tổng số quyền của các cá nhân". Điều đó có nghĩa, trái đất thuộc về thế hệ đang sống. Tiêu chuẩn để đo lường đời sống của một thế hệ nhất định là triển vọng sống của đa số những người ở độ tuổi cao nhất vào thời điểm mà

một hợp đồng (hiến pháp, luật) được xác lập. Jefferson tính toán rằng, 19 năm là khoảng thời gian sống trung bình của một thế hệ. Những lập luận trên là cơ sở cho quan niệm về sửa đổi hiến pháp. “Không một xã hội nào có thể làm ra một hiến pháp vĩnh hiễn hay một đạo luật bất diệt”, “ Trái đất luôn thuộc về những người đang sống. Hiến pháp và luật của những thế hệ cha ông họ mất đi cùng với sự mất đi của những người đã đem lại cho chúng sự sống”. Jefferson kết luận: “Mọi hiến pháp và mọi luật sẽ tự nhiên mất hiệu lực vào thời điểm cuối cùng của 19 năm tồn tại. Nếu nó hiệu lực lâu hơn, nó là một sự áp đặt, không phải là quyền”10.

Tóm lại, người Mỹ quan niệm hiến pháp phải được sửa đổi vì đó là quyền của thế hệ đang tồn tại: họ được quyền điều chỉnh mô hình chính quyền sao cho có thể đem lại hạnh phúc cho họ. Một mô hình chính quyền đã được xác lập từ thế hệ trước nếu không được điều chỉnh sẽ là một áp đặt đối với thế hệ đang sống. Như vậy, đối với vấn đề sửa đổi hiến pháp ở Mỹ, lý thuyết chủ quyền nhân dân đã dẫn đến lý thuyết “chủ quyền của thế hệ hiện tại.”

2. Quy trình sửa đổi hiến pháp ở Mỹ

Quy trình sửa đổi Hiến pháp liên bang ở Mỹ được quy định trong điều V của Hiến pháp như sau: “Khi hai phần ba thành viên của hai Viện đều xét thấy cần thiết sẽ đưa ra những điều sửa đổi đối với Hiến pháp, hoặc theo yêu cầu của các cơ quan lập pháp ở hai phần ba các bang, sẽ triệu tập một Hội nghị để đề xuất những điều sửa đổi; trong cả hai trường hợp, các điều khoản sửa đổi Hiến pháp đều có hiệu lực như một bộ phận của Hiến pháp khi được phê chuẩn bởi các cơ quan lập pháp của ba phần tư các bang, hoặc bởi Đại hội của ba phần tư các bang, theo một thể thức phê chuẩn do Quốc hội đề nghị với điều kiện là không một điều sửa đổi nào có thể được đề xuất trước năm 1808 theo một cách thức ảnh hưởng đến đoạn 1 và đoạn 4 trong khoản 9 của Điều 1; và không một bang nào, nếu bản thân không đồng ý, lại có thể bị tước đoạt quyền bỏ phiếu bình đẳng trong Thượng Viện”.

2.1. Sáng quyền tu chính hiến pháp

Hiến pháp Mỹ dự trù hai chủ thể có sáng quyền tu chính hiến pháp là Quốc hội liên bang và Hội nghị hiến pháp.

Quốc hội liên bang được đề xuất sửa đổi hiến pháp. Khi đề xuất sửa đổi hiến pháp, cần phải có sự đồng ý của 2/3 tổng số thành viên có mặt theo túc số hành động của hai viện Quốc hội, chứ không phải 2/3 tất cả các thành viên của Quốc hội. Việc bỏ phiếu với tỉ lệ 2/3 chỉ áp dụng đối với việc thông qua văn bản cuối cùng về đề nghị sửa đổi. Như vậy, bản đề nghị sửa đổi có thể được sửa đổi bằng một cuộc bỏ phiếu đa số, nhưng tỉ lệ 2/3 là cần thiết khi một viện bỏ phiếu lần cuối cùng đồng ý với bản đề nghị sửa đổi của viện kia11.

Khi Quốc hội trình đề nghị sửa đổi hiến pháp, Quốc hội không phải đang thực thi quyền lập pháp thông thường. Vì vậy, đề nghị sửa đổi hiến pháp của Quốc hội không cần sự chấp nhận của Tổng thống, và cũng không bị ảnh hưởng bởi quyền phủ quyết của

Tổng thống. Tòa án tối cao liên bang đã đưa ra phán quyết về vấn đề này trong vụ Hollingsworth v.Virgina. Tòa án đã giải thích: Đề nghị sửa đổi hiến pháp không cần phải đưa cho Tổng thống. Hiến pháp chỉ yêu cầu Tổng thống ký vào các đạo luật thường. Hành động của Quốc hội trong việc đề nghị sửa đổi hiến pháp là một hành động có tính hiến pháp chứ không phải là ban hành một đạo luật thường12.

Hiến pháp Mỹ không đặt ra những giới hạn của quyền đề nghị sửa đổi hiến pháp của Quốc hội, trừ một giới hạn là các tiểu bang không bị tước quyền bình đẳng trong Thượng viện khi không đồng ý với nội dung sửa đổi hiến pháp. Tòa án tối cao liên bang đã cho rằng điều V của Hiến pháp có khuynh hướng trao cho Quốc hội một quyền lực rộng lớn trong việc đề nghị sửa đổi hiến pháp. Khi đệ trình đề nghị sửa đổi hiến pháp, Quốc hội không cần phải tuyên bố rõ ràng việc sửa đổi hiến pháp là cần thiết vì một nghị quyết chung giữa hai viện đủ để cho thấy rằng sửa đổi hiến pháp là cần thiết13.

Hiến pháp Mỹ cũng quy định rằng, Quốc hội, khi có yêu cầu của cơ quan lập pháp của 2/3 các bang, "sẽ" triệu tập một Hội nghị để sửa đổi hiến pháp. Tòa án tối cao giải thích rằng "sẽ" có nghĩa là "phải". Nhiệm vụ của Quốc hội là phải triệu tập một Hội nghị như vậy. Nhưng Quốc hội có quyền quyết định trong điều kiện như thế nào thì Quốc hội phải thực hiện nghĩa vụ đó, việc tổ chức Hội nghị có hợp lý hay không, khi nào số lượng các bang đủ đề yêu cầu triệu tập Hội nghị14.

Mặc dù hiến pháp tạo ra hai con đường hình thành sáng quyền tu chính hiến pháp là Quốc hội và Đại hội hiến pháp nhưng trên thực tế, tất cả các tu chính án hiến pháp Mỹ đều do Quốc hội đề xuất. Chưa có một sửa đổi hiến pháp nào được thông qua trên cơ sở sáng quyền tu chính của Đại hội hiến pháp. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là Hiến pháp đã dự trù ra một con đường tu chính thứ hai vô nghĩa. Theo giải thích của Akhil Reed Amar, giáo sư luật hiến pháp danh tiếng của Trường Luật Yale, việc hiến pháp dự trù hình thức Đại hội hiến pháp đệ trình đề nghị sửa đổi hiến pháp có ý nghĩa ngăn cản không để cho Quốc hội có quyền tự quyết đối với những cải cách hiến pháp cần thiết để giới hạn quyền lực của Quốc hội. Một Đại hội hiến pháp được triệu tập trên cơ sở đề nghị của 2/3 cơ quan lập pháp của các bang có quyền đệ trình đề nghị sửa đổi hiến pháp có nghĩa việc sửa đổi hiến pháp không hoàn toàn phụ thuộc vào ý chí của Quốc hội liên bang15.

2.2. Phê chuẩn sửa đổi hiến pháp

Hiến pháp Mỹ dự trù hai hình thức phê chuẩn hiến pháp là phê chuẩn bởi các cơ quan lập pháp của ¾ các bang; hoặc phê chuẩn bởi Đại hội hiến pháp của ¾ các bang. Như vậy, trong cả hai trường hợp, sửa đổi hiến pháp phải được sự đồng ý của ¾ các bang. Trong cả hai trường hợp, việc sửa đổi hiến pháp được xem xét cẩn trọng bởi người đại diện của dân chúng (cơ quan lập pháp bang hoặc Hội nghị hiến pháp). Với cách thức như vậy, tiếng nói của dân chúng được phản ánh trong việc sửa đổi hiến pháp.

Việc phê chuẩn của cơ quan lập pháp bang đối với việc sửa đổi hiến pháp không phải là một hành vi lập pháp theo nghĩa thông thường của từ này. Nó là sự thể hiện sự đồng thuận của bang đối với dự án sửa đổi hiến pháp. Chức năng của cơ quan lập pháp

bang trong việc phê chuẩn hiến pháp là một chức năng liên bang16. Các học giả luật hiến pháp Mỹ lưu ý rằng, khi các bang phê chuẩn sửa đổi hiến pháp liên bang, họ hành động một cách đặt biệt, như một Cơ quan Liên bang. Quyền lực của họ trong việc phê chuẩn hiến pháp bắt nguồn từ nguồn lực liên bang17. Vì Hiến pháp liên bang trao cho họ quyền này và quyết định của họ có giá trị ràng buộc đối với toàn liên bang.

Khi dự trù một hình thức thứ hai để phê chuẩn hiến pháp là Đại hội hiến pháp của ¾ các bang, Hiến pháp Mỹ không quy định cụ thể Đại hội này sẽ được triệu tập và thành lập như thế nào. Vì không có luật của liên bang quy định về vấn đề này, các bang phải tự quy định. Có bang, luật pháp quy định rằng các đại biểu phải được bầu từ những đơn vị khác nhau trong nội bộ bang. Các đại biểu đó không tập hợp thành những nhóm lớn có tổ chức, không được bầu theo đảng phái, bởi vì nếu như thế cử tri sẽ thể hiện sự lựa chọn của mình bằng cách loại bỏ nhóm đối lập. Nhưng, có bang lại quy định cử tri sẽ bỏ phiếu cho một nhóm đại biểu18. Như vậy, việc lựa chọn các đại biểu tham gia Đại hội hiến pháp tùy thuộc vào pháp luật của từng bang.

Hiến pháp Mỹ có thể được sửa đổi dưới hình thức trưng cầu dân ý không? Có nghĩa là thay vì dự thảo sửa đổi hiến pháp được phê chuẩn bởi cơ quan lập pháp của bang, nó có thể được phê chuẩn bởi một cuộc trưng cầu dân ý ở các bang hay không? Vấn đề này đã phải được phán quyết tại Tòa án tối cao liên bang trong vụ Hawke v.Smith. Tòa án giải thích rằng quyền lập pháp của bang xuất phát từ nhân dân của bang nhưng quyền phê chuẩn dự thảo sửa đổi hiến pháp liên bang của bang lại xuất phát từ Hiến pháp liên bang. Hành động phê chuẩn bởi các bang do Hiến pháp quy định, điều mà các bang và nhân dân các bang đã đồng ý. Phương pháp phê chuẩn tùy thuộc vào sự lựa chọn của Quốc hội. Việc xác định phương pháp phê chuẩn là việc thực thi quyền lực của quốc gia được quy định bởi Hiến pháp liên bang. Ngôn ngữ trong điều V của Hiến pháp đã rõ ràng. Tòa án, cũng như các cơ quan lập pháp của quốc gia, của các bang không có chức năng thay đổi phương pháp sửa đổi hiến pháp mà Hiến pháp đã ấn định19.

Một vấn đề liên quan đến việc phê chuẩn sửa đổi hiến pháp là thời hạn phê chuẩn. Hiến pháp không ấn định thời hạn phê chuẩn hiến pháp20. Tuy nhiên, vấn đề này đã phần nào được giải quyết trong vụ án Dillon v. Gloss. Trong vụ án này, Tòa án tối cao liên bang đã cho rằng việc phê chuẩn phải tương thích với yêu cầu số lượng các bang để phản ánh ý chí của nhân dân. Vì vậy, phê chuẩn phải được tiến hành trong một “thời gian hợp lý” sau khi đệ trình đề nghị sửa đổi hiến pháp. Tòa án cho rằng, Hiến pháp đã trao cho Quốc hội một quyền lực rộng lớn trong việc đệ trình sửa đổi hiến pháp, và vì vậy, thời gian 7 năm cho việc phê chuẩn là hợp lý21.

Quy trình sửa đổi hiến pháp được ấn định trong Hiến pháp liên bang Mỹ không phải là sự sáng tạo riêng biệt của các đại biểu ở Philadelphia vào năm 1787. Trước đó, các tiểu bang mới giành được độc lập của Mỹ đã có hiến pháp và cũng đã thử nghiệm những hình thức sửa đổi hiến pháp khác nhau. Trong đó, có những hiến pháp tiểu bang đã quy định những hình thức sửa đổi hiến pháp tiến bộ, mà sau này được kế thừa

trong Hiến pháp của liên bang. Đó là hiến pháp của ba tiểu bang Masachusettes, Pennsylvania, và New Hampshire.

Giáo sư Amar cho rằng, hệ thống sửa đổi hiến pháp được quy định trong Hiến pháp liên bang đã kết hợp được những ưu điểm và bỏ qua những khiếm khuyết của các điều khoản về sửa đổi hiến pháp trong hiến pháp của các tiểu bang. Thứ nhất, để bảo đảm những giới hạn quan trọng của nhân dân đối với quyền lực của Quốc hội, Hiến pháp đã sáng suốt không cho phép Quốc hội đơn phương thay đổi các giới hạn đó. Bằng cách này, Điều V của Hiến pháp đã đặt hiến pháp lên một vị trí tối cao so với các đạo luật thường của Quốc hội. Quốc hội bị đặt ra ngoài quá trình phê chuẩn hiến pháp, một điều có ý nghĩa ngăn cản những ý đồ tự điều chỉnh quyền lực hiến định của Quốc hội. Hơn nữa, để chống lại một Hội nghị liên bang độc tài có thể tự tôn mình làm bá chủ, Điều V quy định nếu và khi được triệu tập, Hội nghị đó chỉ được đệ trình đề nghị sửa đổi hiến pháp, còn sự phê chuẩn được tiến hành độc lập. Ngoài ra, để tránh rủi ro là các cơ quan lập pháp của tiểu bang tự cản trở những cải cách cần thiết để giới hạn quyền lực của họ hoặc bổ sung quyền cho chính phủ trung ương, Điều V đã cho phép Quốc hội bỏ qua những cơ quan này bằng việc ủng hộ các Hội nghị phê chuẩn đặc biệt ở các tiểu bang. Cuối cùng, để cho phép quốc gia có thể phản ứng được với những khủng hoảng bất cứ khi nào nó xảy ra, Điều V không đặt ra thời gian giới hạn đối với quy trình sửa đổi (tuy nhiên, viêc buôn bán nô lệ bên bờ kia Đại Tây Dương được miễn trừ khỏi việc sửa đổi hiến pháp cho đến năm 1808)22.

Tuy nhiên, những điều đó không có nghĩa quy trình sửa đổi hiến pháp Mỹ là hoàn hảo. Các học giả Mỹ đã chỉ ra những hạn chế trong Điều V của Hiến pháp Mỹ về quy trình tu chính hiến pháp. Một trong những hạn chế lớn nhất là giới hạn sửa đổi hiến pháp. Đặt biệt, giáo sư Amar đặt ra hàng loạt những câu hỏi: Bản thân điều V có thể là đối tượng của việc sửa đổi không? Nếu không, tại sao điều V không nói gì? Có những điều cốt yếu của Hiến pháp không thể sửa đổi được không? Ví dụ, chính thể cộng hòa có thể được sửa đổi không? Một vấn đề cũng gây quan ngại là vấn đề trưng cầu dân ý khi sửa đổi hiến pháp. Giáo sư Amar đặt ra vấn đề: nếu đa số người Mỹ yêu cầu triệu tập một Hội nghị hiến pháp, Quốc hội có nhiệm vụ phải đáp ứng không? Quốc hội hoặc Hội nghị hiến pháp có thể đưa dự án sửa đổi cho toàn thể dân chúng Mỹ bỏ phiếu trực tiếp dưới hình thức một hội nghị phê chuẩn toàn quốc hoặc trưng cầu dân ý toàn quốc?23 Nếu tham chiếu với nhiều hiến pháp của các nước Châu Âu, những điểm trên là nhược điểm trong quy trình sửa đổi hiến pháp Mỹ. Nhiều hiến pháp Châu Âu thường đặt ra những giới hạn đối với việc tu chính hiến pháp như không được sửa đổi chính thể và chính điều khoản quy định về việc sửa đổi hiến pháp. Ngoài ra, tôn trọng triệt để thuyết chủ quyền nhân dân, nhiều hiến pháp Châu Âu quy định trưng cầu dân ý như một thủ tục bắt buộc để thông qua hiến pháp.

(Kỳ sau đăng tiếp)

(1) Đảng Whig, tiền thân của Đảng tự do ở Anh, phát triển từ cuối thế kỷ 17 đến giữa thế kỷ 19.

(2) Algernon Sidney (1623-1783), một nhà chính trị, một lý thuyết gia về chính trị người Anh, tác giả của "Các luận thuyết về chính quyền", một tác phẩm được Jefferson đánh giá cao như một nghiên cứu chính yếu về chính quyền.

(3) Sanford Levinson. Our undemocratic Constitution (New York: Oxford University press, 2006), pp.21.

(4) David N.Mayer. The constitutional thought of Thomas Jefferson (Virgina: University of Virgina press, 1994), pp.296.

(5) Ở Mỹ, trong buổi đầu của nền cộng hòa, 6 trên 13 hiến pháp của các tiểu bang được viết như "những hiến chương bất diệt" và không có quy định về sửa đổi hiến pháp.

Ở Việt Nam, có vị học giả ví hiến pháp như "bàn thờ". Đáp lại một cách hài hước, một vị học giả khác cho rằng "bàn thờ" cũng phải được lau chùi hàng năm trước những ngày Tết.

(6) Sanford Levinson. Our undemocratic Constitution (New York: Oxford University press, 2006), pp.IX.

(7) Đoạn đầu trong Tuyên ngôn Độc lập của Jefferson phản ánh rõ điều này qua văn thức: "Rằng để đảm bảo cho những quyền lợi này, các chính phủ được lập ra trong nhân dân và có được những quyền lợi chính đáng trên cơ sở sự nhất trí của nhân dân, rằng bất cứ khi nào một thể chế chính quyền nào đó phá vỡ những mục tiêu này, thì nhân dân có quyền thay đổi hoặc loại bỏ chính quyền đó và lập nên một chính quyền mới…" Trích lại từ: Vũ Đình Hòe. Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh. Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 2005, tr.231.

(8) Cho đến nay, 48/50 tiểu bang ở Mỹ quy định trưng cầu dân ý như một quy trình bắt buộc của việc sửa đổi hiến pháp.

(9) Donald S.Lutz. "Toward a theory of constitutional amendment," American Political Science Review. Vol. 88, No. 2 June 1994, pp.355-356.

(10) David N.Mayer. The constitutional thought of Thomas Jefferson (Virgina: University of Virgina press, 1994), pp.304

(11) Westel W.Willoughby. Principles of the Constitutional law of the United States (New York: Baker, Voorhis & Co press, 1933), pp. 247

(12) Joseph F.Menez, John R.Vile. Summaries of leading cases on the Constitution (Rowman & Littlefield Publisher press, 2004), pp.190..

(13) American Jurisprudence, Volume 16, Conflict of law to Constitutional law (West Group, 1998) pp.360.

(14) American Jurisprudence, Volume 16, Conflict of law to Constitutional law (West Group, 1998) pp.360.

(15) Akhil Reed Amar. America's Constitution- A Biography (New York: Random House press, 2005), pp.290.

(16) American Jurisprudence, Volume 16, Conflict of law to Constitutional law (West Group, 1998) pp.361.

(17) Westel W.Willoughby. Principles of the Constitutional law of the United States (New York: Baker, Voorhis & Co press, 1933), pp. 213.

(18) American Jurisprudence, Volume 16, Conflict of law to Constitutional law (West Group, 1998) pp.362.

(19) Joseph F.Menez, John R.Vile. Summaries of leading cases on the Constitution (Rowman & Littlefield Publisher press, 2004), pp.192-193.

(20) Tu chính án thứ 27 của Hiến pháp Mỹ được ban hành sau 202 năm đề xuất.

(21) Joseph F.Menez, John R.Vile. Summaries of leading cases on the Constitution (Rowman & Littlefield Publisher press, 2004), pp.194.

Bùi Ngọc Sơn – Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà nội

Nguồn: https://hienphap.wordpress.com/2013/02/20/sua-doi-hien-phap-o-my-bui-ngoc-son/